



Athena Collection

Beautifully Robust

unios®

Unios Toolbox

Một công cụ kỹ thuật số giúp bạn dễ dàng lựa chọn sản phẩm theo bộ lọc và chọn người cộng tác trong mọi dự án.

unios.com/toolbox

LX Configurator

LX Configurator hỗ trợ bạn thiết kế đèn thanh thẳng riêng biệt chỉ trong vài phút với khả năng truy cập hình dạng, thông số kỹ thuật, IES, BIM và file Revit tùy biến mọi lúc (24/7).

unios.com/lxconfigurator

Catalogues

Cập nhật những sản phẩm mới nhất của chúng tôi với hình ảnh trực quan và thông số kỹ thuật chi tiết.

unios.com/catalogues

Education

Với sự đóng góp từ những chuyên gia, Universal Light là ấn phẩm định kỳ hàng năm về ánh sáng và tầm ảnh hưởng của nền công nghiệp chiếu sáng.

unios.com/universallight

White Papers

Tìm hiểu về các nghiên cứu chuyên ngành trong lĩnh vực chiếu sáng thông qua các chủ đề bạch thư của chúng tôi.

unios.com/whitepapers

Lighting Simplified.

Building digital tools.
Sharing new knowledge.

Crafted in

1 Phần thân đèn

Sở hữu khả năng chống ăn mòn và rỉ sét vượt trội nhờ chất liệu nhôm nguyên khối cao cấp với hàm lượng đồng <0.1%.

2 Công nghệ Lens*

Công nghệ Lens giúp kiểm soát chùm tia sáng tốt hơn, đa dạng góc chiếu từ 15°, 36° cho đến 60°.

3 Phụ kiện tổ ong

Bổ sung phụ kiện tổ ong hỗ trợ tối đa sự thoải mái thị giác cho người dùng.

4 Linear Lens

Phụ kiện lens linear là một lựa chọn bổ sung giúp kiến tạo chùm sáng hình elip.

** Chỉ áp dụng cho series Athena G2*





Australia

5 Tấm ngăn lõm*

Tấm ngăn lõm sâu giảm độ chói của đèn, đồng thời hoàn thiện góc chiếu khi sử dụng lens.

6 Góc bất đối xứng*

Tấm ngăn chỉnh góc chiếu được sử dụng để hướng chùm tia sáng thẳng hoặc bất đối xứng, tùy vào ứng dụng lắp đặt.

7 Mặt kính cường lực

Mặt kính cường lực với tiêu chuẩn chịu tác động cơ học IK10, phù hợp với ứng dụng ngoài trời.

8 Lớp sơn hoàn thiện

Lớp sơn phủ chống tia cực tím vượt trội hơn so với tiêu chuẩn công nghiệp về độ dày micrômet.

Giới thiệu đến bạn Athena Collection -
Giải pháp đèn chiếu sáng ngoài trời linh hoạt với 2 mẫu
mã, 4 tùy chọn lắp đặt và hơn 800 biến thể.



1 Tùy chọn lắp đặt

Giải pháp lắp đặt linh hoạt với ba hình thức cố định của Athena: downlight ốp trần, đèn tường một hướng hoặc hai hướng.

2 Hệ móc treo ngang

Phụ kiện móc treo hỗ trợ treo Athena trên các dây cáp ngang, phù hợp cho các khu vực ngoài trời không có mái che.

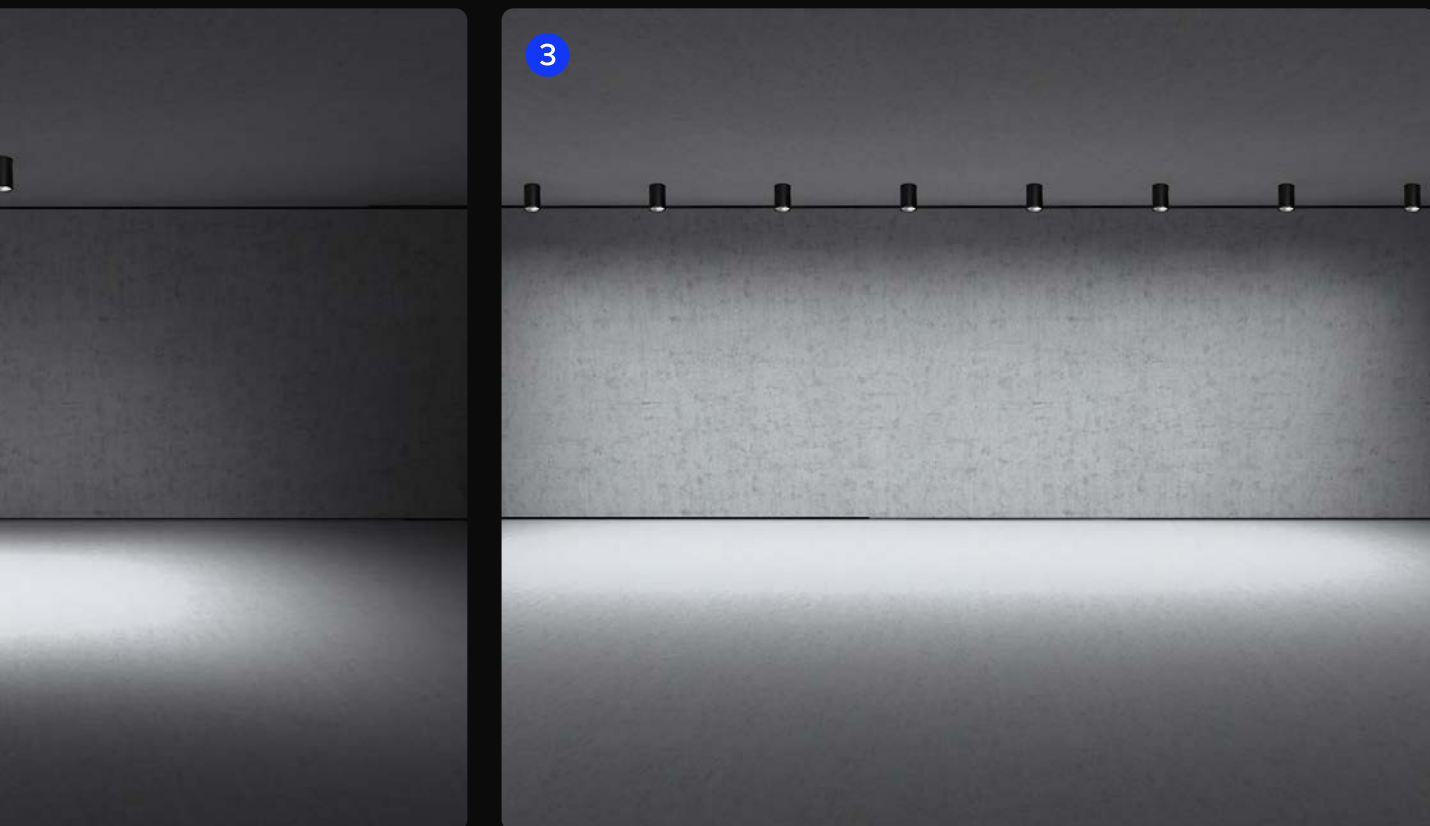
3 Dễ dàng lắp đặt

Ngoài lựa chọn DALI gắn sẵn bên trong, hệ thống mới hỗ trợ lắp riêng các bộ phận điện và thân đèn.



Athena Collection đi kèm với nhiều loại phụ kiện và thấu kính quang học. Tham khảo các hình ảnh bên dưới để khám phá các lựa chọn chùm tia chiếu của Athena.





1 Tiêu chuẩn

Đèn downlight ốp trần Athena G2 với góc chiếu 36°.

2 Hình elip

Đèn downlight ốp trần Athena G2 với phụ kiện lens hỗ trợ góc chiếu hình elip 30x70°.

3 Wallwash

Đèn downlight ốp trần Athena G2 với tấm ngăn bất đối xứng cho hiệu ứng wallwash 46°.

Dòng sản phẩm đèn chiếu sáng ngoài trời được thiết kế tỉ mỉ với tính nhất quán về màu sắc dẫn đầu trong ngành công nghiệp cùng khả năng chống va đập và ăn mòn cao.

SDCM $\leq$ 2

Đáp ứng tiêu chuẩn cao nhất của ngành về tính nhất quán trong màu sắc của ánh sáng với độ lệch màu SDCM $\leq$ 2.

Tích hợp DALI

Trình điều khiển DALI được tích hợp giúp thuận tiện và đơn giản hóa việc lắp đặt cáp và điều khiển đèn riêng lẻ.

IK10

Được thiết kế để chống lại các tác động vật lý và phá hoại, lý tưởng cho không gian công cộng và không gian mở.

IP66

Sở hữu khả năng chống chịu bụi và các tia nước có áp suất cao thường xuất hiện ở các khu vực công cộng và ngoài trời.

Độ chói UGR <10

Phạm vi độ chói tiêu chuẩn của Athena đạt mức từ UGR<13 tới <16, có thể giảm tới <10 với sự hỗ trợ của các phụ kiện đi kèm.

L90B10

Đảm bảo chất lượng và hiệu suất lâu dài với tuổi thọ lên đến hơn 55.000 giờ.







Khởi đầu với các thiết kế tỉ mỉ từ phòng phát triển sản phẩm và hoàn thiện với phân xưởng lắp đặt của Unios tại Australia, Athena Collection được chế tạo phù hợp với điều kiện thời tiết khắc nghiệt tại đây.



Một thành quả của trái tim và khối óc đến từ Australia.

Mỗi sản phẩm đều khởi nguồn từ các thiết kế tỉ mỉ và hoàn thiện bởi dây chuyền lắp ráp tại Australia.

Tìm hiểu thêm tại:
vietnam.unios.com/craftedinaus

800+ biến thể

Được hỗ trợ bởi một loạt các phụ kiện lắp đặt và góc chiếu, Athena Collection có thể tạo ra hơn 800 biến thể, đảm bảo phù hợp với mọi ứng dụng dự án.

Lắp ráp trong 10 ngày

Với phân xưởng lắp ráp và kho lưu trữ tại Australia, thời gian lắp ráp tối ưu cho dòng sản phẩm Athena Collection chỉ gói gọn trong 10 ngày làm việc.

Với hai mẫu mã là Athena G2 và Athena Max, cùng với bốn lựa chọn lắp đặt, Athena Collection là ứng cử viên sáng giá cho các dự án thương mại nhờ hiệu suất cao và thiết kế hiện đại.

Athena G2

Đèn trần và tường linh hoạt, được trang bị công nghệ lens mới nhất.



Công nghệ lens

Bất đối xứng

Wallwash

Athena Max

Đèn ốp trần, treo thả và đèn tường, được thiết kế với hiệu suất chiếu sáng tối đa.



Hệ móc treo ngang

Quang thông > 4100lm

	 Athena G2 Series	 Athena Max Series
Types	Surface Mounted, Fixed One Wall, Fixed Two Wall	Surface Mounted, Fixed One Wall, Fixed Two Wall, Catenary
Power	18W, 28W	38W
Absolute Luminous Flux	1941–3346lm	3498–4148lm
Lumens per Watt	Up to 110	Up to 112
Beam Type	Standard, Linear, Asymmetrical	Standard, Linear
Beam Angle	15°, 36°, 60°	15°, 36°, 60°
UGR	Up to <10	Up to <13
Colour Temp	3000K, 4000K	3000K, 4000K
CRI (Ra/R9)	80+ / >0	80+ / >0
Colour Deviation	SDCM ≤ 2	SDCM ≤ 2
Lifetime	>55,000h L90B10	>55,000h L90B10
Accessories	Honeycomb Louvre, Linear Lens, Asymmetrical Baffle	Honeycomb Louvre, Linear Lens, Catenary Accessory
IK Rating	IK10	IK10
IP Rating	IP66	IP66
Driver	Built-in Flicker-Free Phase-cut, Built-in DALI, Bluetooth	Built-in Flicker-Free Phase-cut, Built-in DALI, Bluetooth
Warranty	5 years	5 years
Availability	Stocked, Crafted in Australia	Stocked, Crafted in Australia

Chiếu sáng lối đi trở nên tinh tế và hữu dụng hơn với các phụ kiện như: tấm ngăn bất đối xứng và phụ kiện lens linear. Tham khảo các cách sắp xếp một cách trực quan dưới đây.

Legend

Calculation Point

Fixed One Wall

Surface Mounted

Pathway Width

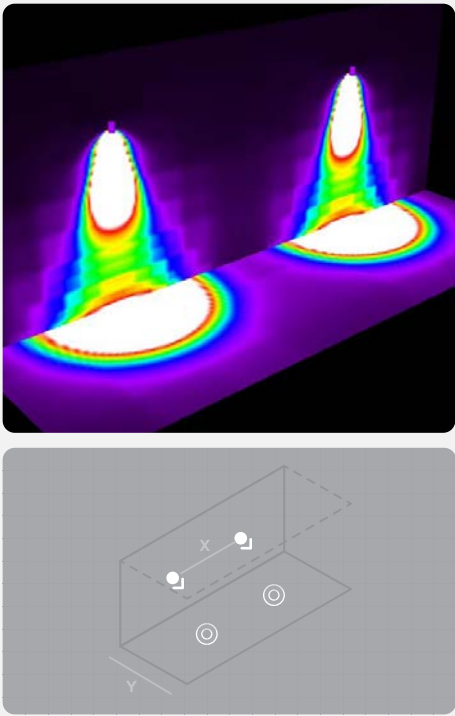
Distance between luminaires

Wall offset

Illuminance (lux)

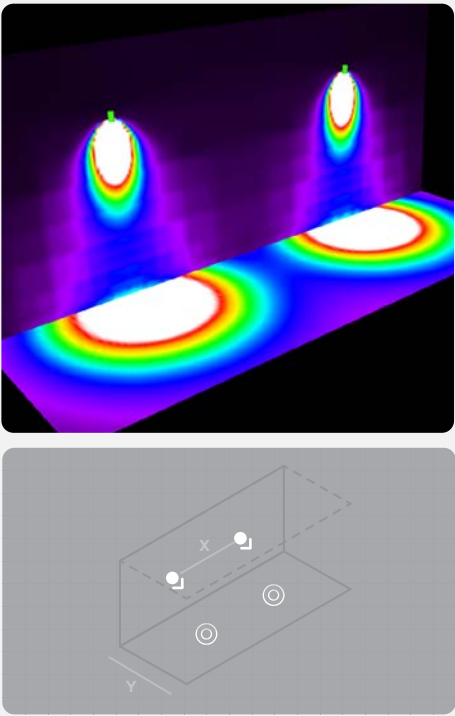
0153045607590105120

Wall Application



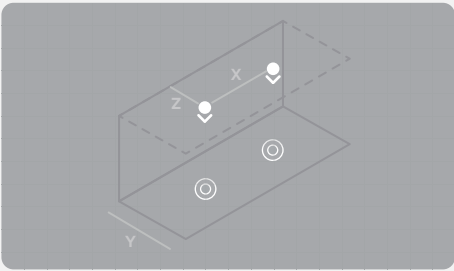
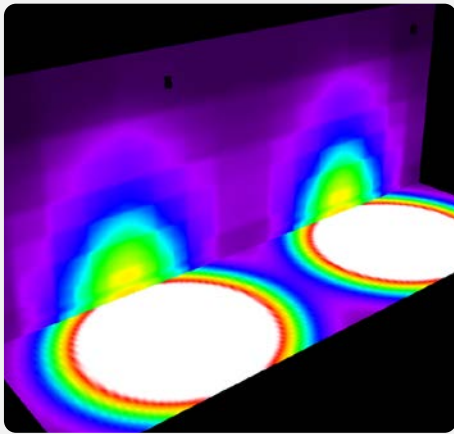
Optics	Standard
Type	Athena G2 Fixed One Wall Light
Beam Angle	36°
Pathway Width (Y)	3000mm
Mounting Height	3000mm
Luminaire Spacing (X)	5000mm
Average Illuminance	39lx
Minimum Illuminance	4.51lx
Uniformity	0.12
Calculation Grid	500x500mm

Asymmetrical Wall Application



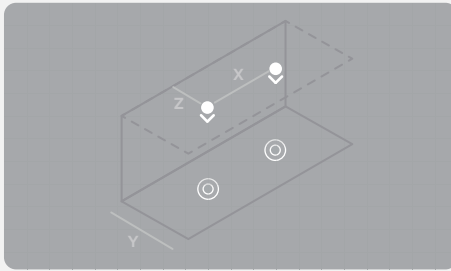
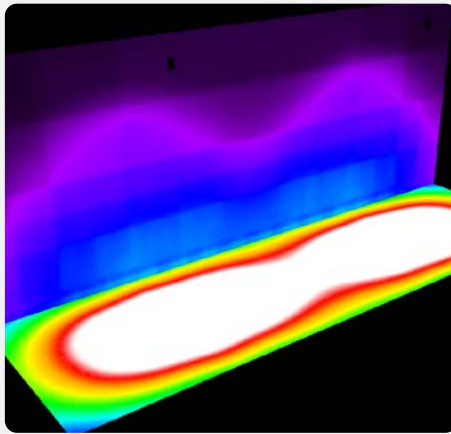
Optics	Asymmetrical Baffle
Type	Athena G2 Fixed One Wall Light
Beam Angle	36°
Pathway Width (Y)	3000mm
Mounting Height	3000mm
Luminaire Spacing (X)	5000mm
Average Illuminance	43lx
Minimum Illuminance	12lx
Uniformity	0.29
Calculation Grid	500x500mm

Ceiling Application



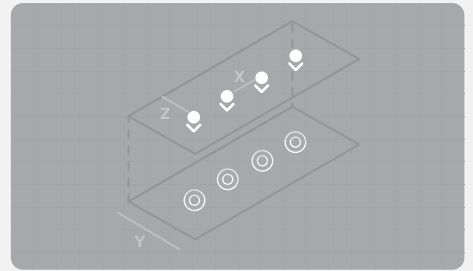
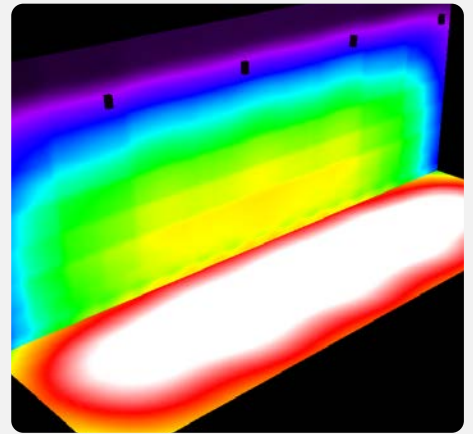
Optics	Standard
Type	Athena G2 Surface Mounted Wall Light
Beam Angle	36°
Pathway Width (Y)	3000mm
Mounting Height	4000mm
Wall Offset (Z)	1500mm
Luminaire Spacing (X)	5000mm
Average Illuminance	94lx
Minimum Illuminance	9.42lx
Uniformity	0.1
Calculation Grid	500x500mm

Ceiling Elliptical Application



Optics	Linear Lens
Type	Athena G2 Surface Mounted Wall Light
Beam Angle	36°
Pathway Width (Y)	3000mm
Mounting Height	3000mm
Wall Offset (Z)	1500mm
Luminaire Spacing (X)	5000mm
Average Illuminance	89lx
Minimum Illuminance	58lx
Uniformity	0.65
Calculation Grid	500x500mm

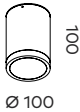
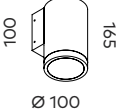
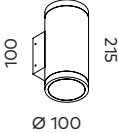
Ceiling Wall Wash Application

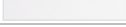


Optics	Asymmetrical Baffle
Type	Athena G2 Surface Mounted Wall Light
Beam Angle	36°
Pathway Width (Y)	3000mm
Mounting Height	3000mm
Wall Offset (Z)	2000mm
Luminaire Spacing (X)	2000mm
Average Illuminance	44lx
Minimum Illuminance	20lx
Uniformity	0.45
Calculation Grid	500x500mm





Surface Mounted	Fixed One Wall	Fixed Two Wall
Measurements (mm)	Measurements (mm)	Measurements (mm)
		
Absolute Luminous Flux	Absolute Luminous Flux	Absolute Luminous Flux
18W (500mA) 2077lm (at 3000K) 2101lm (at 4000K)	18W (500mA) 2077lm (at 3000K) 2101lm (at 4000K)	28W (800mA) 3309lm (at 3000K) 3346lm (at 4000K)
Beam	Beam	Beam
15° (P) 36° (M) 60° (W)	15° (P) 36° (M) 60° (W)	15° (P) 36° (M) 60° (W)

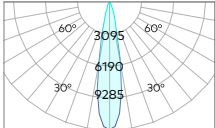
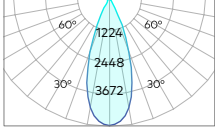
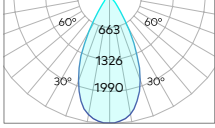
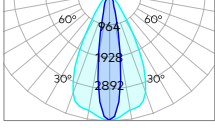
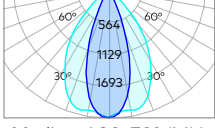
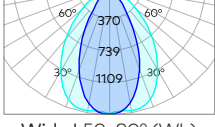
Finishes	
Textured Black	
Textured White	

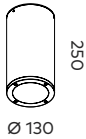
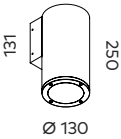
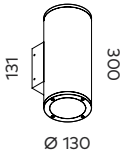
General Specifications	
Material	Powder Coated Aluminium
UGR (Unified Glare Rating)	<13, <10
IP Rating	IP66
IK Rating	IK10
Warranty	5 Years

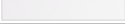
LED	
Colour Temp	3000K, 4000K
CRI (Ra/R9)	80+ / >0
Efficacy	Up to 110lm/W
Colour Deviation	SDCM≤2
Lifetime	>55,000h L90B10

Driver	
240V Built-in Flicker-Free Phase-Cut Dimmable Driver (FP)	
240V Built-in TCI DALI Driver (TCI)	
240V Remote Tridonic basicDIM Bluetooth Driver (TB)	



Accessories	Beam Options
	
Asymmetrical Baffle	Pencil 15° (P)
	
Linear Lens	Medium 36° (M)
	
Honeycomb Louvre	Wide 60° (W)
	
	Pencil 15x60° (PL)
	
	Medium 30x70° (ML)
	
	Wide 50x80° (WL)

		
Surface Mounted	Fixed One Wall	Fixed Two Wall
Measurements (mm)	Measurements (mm)	Measurements (mm)
		
Absolute Luminous Flux	Absolute Luminous Flux	Absolute Luminous Flux
38W (1000mA) 3774lm (at 3000K) 3872lm (at 4000K)	38W (1000mA) 3774lm (at 3000K) 3872lm (at 4000K)	38W (1000mA) 4042lm (at 3000K) 4148lm (at 4000K)
Beam	Beam	Beam
15° (P) 36° (M) 60° (W)	15° (P) 36° (M) 60° (W)	15° (P) 36° (M) 60° (W)

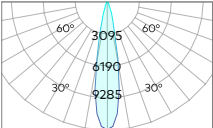
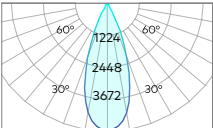
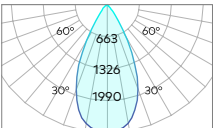
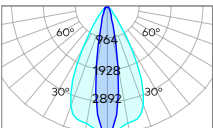
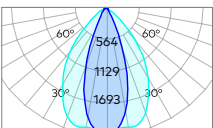
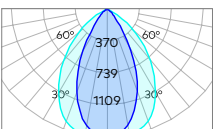
Finishes	
Textured Black	
Textured White	

General Specifications	
Material	Powder Coated Aluminium
UGR (Unified Glare Rating)	<16, <13
IP Rating	IP66
IK Rating	IK10
Warranty	5 Years

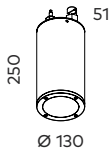
LED	
Colour Temp	3000K, 4000K
CRI (Ra/R9)	80+ / >0
Efficacy	Up to 113lm/W
Colour Deviation	SDCM ≤ 2
Lifetime	>55,000h L90B10

Driver	
240V Built-in Flicker-Free Phase-Cut Dimmable Driver (FP)	
240V Built-in TCI DALI Driver (TCI)	
240V Remote Tridonic basicDIM Bluetooth Driver (TB)	



Accessories	Beam Options
	
Linear Lens	Pencil 15° (P)
	
Honeycomb Louvre	Medium 36° (M)
	
	Wide 60° (W)
	
	Pencil 15x60° (PL)
	
	Medium 30x70° (ML)
	
	Wide 50x80° (WL)



Measurements (mm)

Absolute Luminous Flux
38W (1000mA) 3774lm (at 3000K) 3872lm (at 4000K)
Beam
15° (P) 36° (M) 60° (W)
Weight
3.2kg

Finishes

Textured Black	
----------------	---

General Specifications

Material	Powder Coated Aluminium
Catenary Wire Size	Ø 6-12mm
Max Cable Size	Ø 13mm
UGR (Unified Glare Rating)	<16, <13
IP Rating	IP66
IK Rating	IK10
Warranty	5 Years

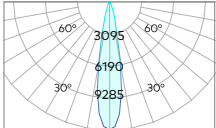
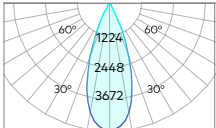
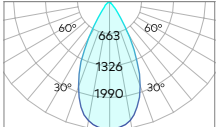
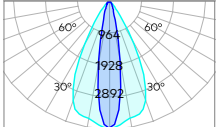
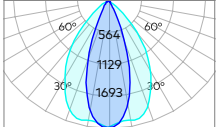
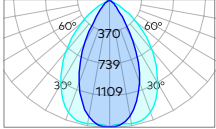
LED

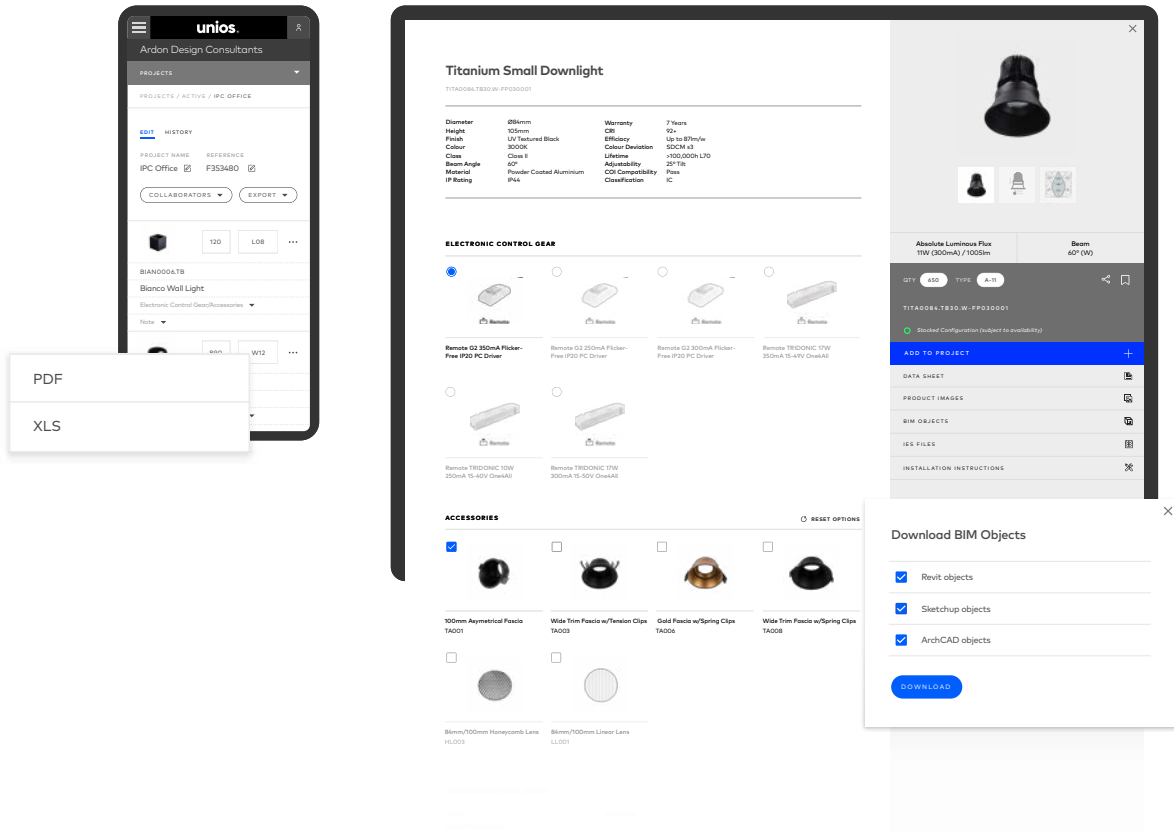
Colour Temp	3000K, 4000K
CRI (Ra/R9)	80+ / >0
Efficacy	Up to 110lm/W
Colour Deviation	SDCM ≤2
Lifetime	>55,000h L90B10

Driver

240V Built-in Flicker-Free Phase-Cut Dimmable Driver (FP)
240V Built-in TCI DALI Driver (TCI)
240V Remote Tridonic basicDIM Bluetooth Driver (TB)



Accessories	Beam Options
 Linear Lens	 Pencil 15° (P)
 Honeycomb Louvre	 Medium 36° (M)
	 Wide 60° (W)
	 Pencil 15x60° (PL)
	 Medium 30x70° (ML)
	 Wide 50x80° (WL)



Từ chọn mẫu mã đến xuất thông số kỹ thuật chỉ trong vài giây

Công cụ xác định cấu hình sản phẩm tốt nhất hiện nay

Với các tiêu chí thiết kế và công suất sử dụng khác nhau cho mỗi dự án, việc khám phá và xác định cấu hình sản phẩm phù hợp đòi hỏi một quá trình liên mạch. Với Unios Toolbox, bạn có thể lọc qua hàng nghìn sản phẩm biến thể chỉ trong vài giây.

Xuất kế hoạch chiếu sáng dưới định dạng PDF và Excel

Việc lựa chọn chiếu sáng trong các dự án có thể trở nên phức tạp và tốn nhiều thời gian. Chúng tôi đã phát triển một bộ công cụ để giúp bạn xây dựng kế hoạch chiếu sáng, xuất ra với định dạng PDF hoặc Excel và tích hợp lại vào quy trình thực hiện dự án của riêng bạn.

Khả năng tiếp cận dữ liệu nhiều hơn bao giờ hết

Các đối tượng BIM, tệp IES, bảng dữ liệu tùy chỉnh và hình ảnh sản phẩm đều có thể dễ dàng tiếp cận theo các yêu cầu của dự án. Tất cả các biến thể sản phẩm được trình bày trực quan với cái nhìn tổng thể về từng thông tin dữ liệu và các loại tài liệu mà bạn yêu cầu.

Special Thanks

Ấn phẩm này sẽ không thể ra mắt nếu thiếu sự đóng góp từ các kỹ sư, nhà phân phối và đội ngũ chụp ảnh, sáng tác nội dung chuyên nghiệp của Unios.

More Information

Để biết thêm chi tiết kỹ thuật cũng như tìm hiểu về tất cả các sản phẩm của Unios, vui lòng truy cập website unios.com. Thư viện của chúng tôi mang đến bạn các file hình ảnh và BIM, IES.

Instagram: [instagram.com/unioslight](https://www.instagram.com/unioslight)
Facebook: [facebook.com/uniosvn](https://www.facebook.com/uniosvn)
LinkedIn: [linkedin.com/company/unios](https://www.linkedin.com/company/unios)
YouTube: [unios.com/youtube](https://www.youtube.com/unios)
Pinterest: [pinterest.com/unioslight](https://www.pinterest.com/unioslight)



Published by
Unios Design

© Unios Pty Ltd 2021

No part of this catalogue may be reproduced without prior permission from Unios Pty Ltd. Models and technical specifications are subject to modification and enhancements.

Unios HQ (Australia)

T +61 8 9248 1888
E sales@unios.com
37 Boom Street,
Gnangara WA 6077

Sydney, Australia

T +61 8 9248 1888
E sydney@unios.com
103/13 Bowden Street,
Alexandria NSW 2015

Melbourne, Australia

T +61 8 9248 1888
E melbourne@unios.com
270–274 Nicholson Street,
Fitzroy VIC 3065

Singapore

T +65 9040 3034
E singapore@unios.com
7030 Ang Mo Kio Ave 5, Unit 08-31
Northstar @ AMK, Singapore 559880

Ho Chi Minh, Vietnam

T +84 28 3821 2927
E vietnam@unios.com
B2, tháp Canary, Đảo Kim
Cương, Quận 2, Hồ Chí Minh

Hanoi, Vietnam

T +84 28 3821 2927
E vietnam@unios.com
E2 - Chelsea Residence, 48 Trần Kim
Xuyến, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Zhongshan, China

T +61 8 9248 1888
E china@unios.com
No.3 , FuTian 5 Road, Gangkou
District, Zhongshan City

Gyeonggido, South Korea

T +82 31 791 3922
E southkorea@unios.com
1038 Dadong, Hyundai Knowledge
Industry Center, 520 Misadaero, Hanamsi